

Thành phần dự án 1
Tăng cường năng lực thực hiện các chính sách năng lượng tái tạo

ĐỀ XUẤT TRÌNH TỰ THỦ TỤC
PHÁT TRIỂN CÁC DỰ ÁN ĐIỆN KHÍ HÓA NÔNG THÔN
KHÔNG NỖI LỢI

Hà nội, tháng 5- 2006

Gioi thiệu

Tài liệu này được soạn thảo trong khuôn khổ của chương trình VSRE, là kết quả của Hoạt động 4, Thành phần dự án 1 “*Tăng cường năng lực thực hiện của các chính sách năng lượng tái tạo*”. Tài liệu chương trình quy định nhiệm vụ của Hoạt động 4 là chuẩn bị “*Đề xuất trình tự thủ tục trong việc phát triển và đánh giá các dự án điện khí hóa nông thôn không nối lưới*”. Tuy vậy, tài liệu này chỉ đề xuất Trình tự thủ tục trong việc phát triển dự án còn phần Trình tự thủ tục đánh giá các bản đề xuất dự án sẽ được trình bày trong một tài liệu khác. Tài liệu này các nhà đầu tư/ phát triển có thể sử dụng trong quá trình chuẩn bị các bản đề xuất dự án và sẽ được cung cấp cho các Sở Công nghiệp - DOI (Ủy ban Nhân dân Tỉnh-PPC) và Bộ Công nghiệp - MOI để làm tài liệu tham khảo trong việc đánh giá và phê duyệt các dự án được các nhà đầu tư/ phát triển đề xuất.

Việc soạn thảo tài liệu có thể thực hiện theo hướng dẫn được trình bày trong Tài liệu chương trình như sau: “nghiên cứu các trình tự thủ tục hiện hành trong việc phát triển và phê duyệt các dự án năng lượng nông thôn không nối lưới như các Cẩm nang của Ngân hàng thế giới. Khi có thể áp dụng được, những trình tự thủ tục tương tự nên sử dụng để có các trình tự thống nhất trong việc thực hiện các dự án cùng loại ở Việt Nam. Nếu không áp dụng được, các thủ tục thay thế sẽ được phát triển và đề xuất”. Sự phù hợp với các thủ tục hiện hành, được quy định tại các văn bản pháp lý của Việt Nam cũng đã được xem xét.

Thêm vào đó, để làm rõ chủ đề và phạm vi của nhiệm vụ được giao, cũng cần đi kèm qua một số nét tổng quát của các Dự án điện khí hóa nông thôn không nối lưới ở Việt Nam hiện nay.

Theo thông tin từ Tổng công ty điện lực Việt Nam (EVN), do kết quả thành công của chương trình điện khí hóa nông thôn, hiện nay đã có khoảng 98% số huyện (525/536 huyện), 94.6% số xã nông thôn ((8,524/9,008 xã) đã có điện lưới quốc gia. Một số ít các xã được cấp điện bằng các nguồn điện tại chỗ, như thủy điện nhỏ và máy phát diesel. Hiện nay 335 xã và khoảng 11% (1,468,022/13,235,380) các hộ gia đình vẫn chưa có điện. Các làng xã trên thuộc miền núi và vùng sâu vùng xa là mục tiêu mà chương trình VSRE hướng tới. Các xã này sẽ được cấp điện thông qua các hệ thống không nối lưới dựa trên các phương án lựa chọn có chi phí thấp nhất như thủy điện nhỏ, năng lượng gió, hệ thống pin mặt trời, v.v..., nói cách khác là bằng các nguồn năng lượng tái tạo. Vì vậy, thuật ngữ *Điện khí hóa nông thôn không nối lưới* có thể hiểu là *Điện khí hóa nông thôn không nối lưới bằng các nguồn năng lượng tái tạo*. Như vậy, Trình tự thủ tục đề xuất dự án được đề cập trong tài liệu này là chỉ nói đến việc điện khí hóa dựa vào các nguồn năng lượng tái tạo.

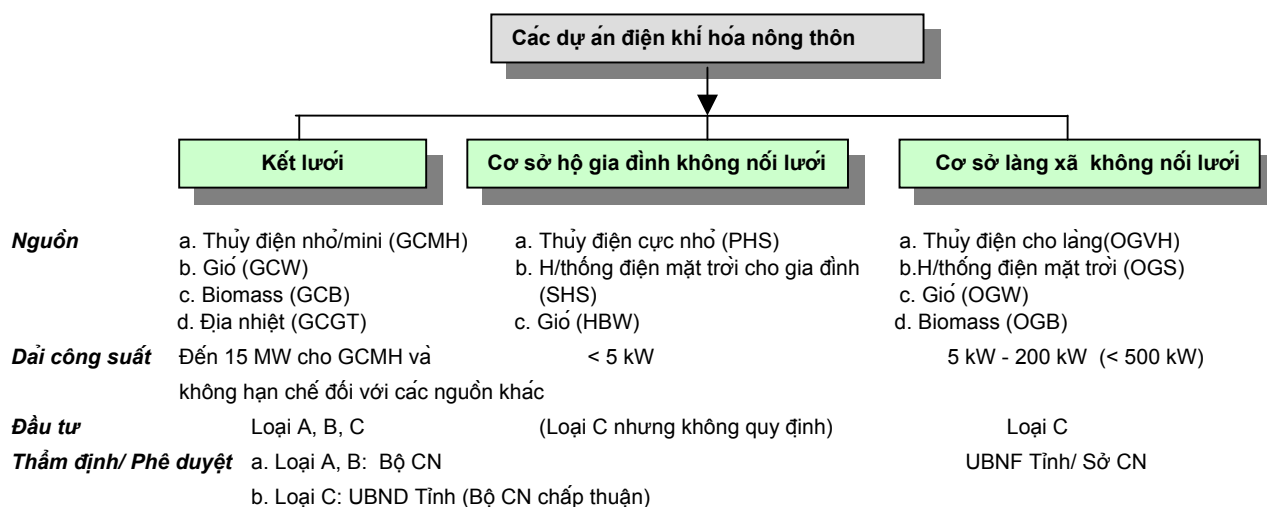
Các làng ở miền núi, vùng sâu vùng xa của Việt Nam có dân cư nằm rải rác với vài chục hộ gia đình ở một làng và nằm cách xa nhau. Một xã gồm vài làng với tổng số chỉ vài trăm hộ gia đình. Với một hệ thống năng lượng tái tạo không kết lưới, ví dụ như một hệ thống thủy điện nhỏ hoặc cực nhỏ, thường phần lưới điện chiếm khoảng 20-40% tổng vốn đầu tư của dự án, vì vậy để giảm chi phí cho đường dây cũng như nâng cao chất lượng điện năng, nhà máy điện của hệ thống thủy điện nên được chọn ở vị trí không quá xa so với khu vực cấp điện, tổng chiều dài lưới điện tốt nhất là dưới 4km cho một nhóm khoảng 400 hộ gia đình và 2km cho 100 hộ gia đình. Giả sử rằng, mỗi hộ cần sử dụng công suất khoảng 350W, thì công suất của nhà máy/ trạm phát sẽ là khoảng 50-200 kW mỗi làng.

Từ những vấn đề đã nêu ở trên, có thể kết luận rằng *Trình tự thủ tục phát triển các dự án điện khí hóa không nối lưới* được đề cập đến trong tài liệu dự án có nghĩa là *Trình tự thủ tục phát triển các dự án năng lượng tái tạo không nối lưới quy mô nhỏ (công suất dưới 200 kW)*.

Các dự án điện khí hóa nông thôn được chia thành ba hạng mục. Mục tiêu của tài liệu này cũng như của chương trình VSRE là mục thứ 3- Các dự án điện khí hóa nông thôn không nối lưới cho cơ sở làng xã được trình bày ở *Sơ đồ 1*.

Theo quy định của các văn bản pháp lý Việt Nam, một dự án được phát triển qua 4 giai đoạn, như trình bày trong *Sơ đồ 2*, gồm giai đoạn Hình thành dự án, Chuẩn bị đầu tư, Thực hiện đầu tư, Vận hành và quản lý dự án. Việc đề xuất dự án, tuy nhiên chỉ bao gồm 2 giai đoạn đầu tiên (Hình thành dự án và Chuẩn bị đầu tư) trong đó các nhiệm vụ chính của người phát triển dự án là chuẩn bị *Báo cáo cơ hội đầu tư*- cho giai đoạn 1 (trước đây gọi là Báo

cáo tiền khả thi) và Báo cáo Dự án đầu tư – cho giai đoạn 2 (trước đây gọi là Báo cáo Nghiên cứu khả thi)



Sơ đồ 1. Phân loại dự án điện khí hóa nông thôn bằng năng lượng tái tạo

Giai đoạn *Đề xuất dự án* được xem là kết thúc ngay sau khi Báo cáo Dự án đầu tư được phê duyệt. Vì vậy, các nội dung của Trình tự thủ tục đề xuất trong tài liệu này áp dụng cho giai đoạn đề xuất các dự án điện khí hóa nông thôn không nối lưới bằng năng lượng tái tạo cũng được giới hạn và chỉ liên quan tới 2 giai đoạn đầu.

Đó là phạm vi và chủ đề của tài liệu này.

Các công cụ và phương pháp luận để chuẩn bị tài liệu đề xuất dự án theo Trình tự thủ tục trình bày ở đây sẽ được đề cập đến ở một tài liệu khác. Đó là kết quả Hoạt động 2 của Thành phần dự án 1 “*Xây dựng phương pháp luận và các công cụ trong việc chuẩn bị dự án và đánh giá đề xuất dự án*”.

Cho đến nay, các văn bản luật của Việt Nam chưa có các quy định cụ thể về Trình tự thủ tục cho việc đề xuất các dự án điện khí hóa nông thôn không nối lưới bằng năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, đã có một số văn bản pháp lý của Việt Nam liên quan trực tiếp đến việc quản lý dự án năng lượng có thể tham khảo, đó là

- Luật Khuyến khích đầu tư trong nước số 03/1998/QH10, ngày 1 tháng 6 năm 1998;
- Luật đầu tư số 59/2005/QH11, ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Luật điện lực số 28/2004/QH11, ngày 03 tháng 12 năm 2004;
- Luật Xây dựng số 16/2003/QH11, ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Nghị định số 209/2004/ND-CP, ngày 16 tháng 12 năm 2004 về quản lý chất lượng dự án;
- Nghị định số 16/2005/ND-CP, ngày 2 tháng 2 năm 2003 về Quản lý đầu tư dự án;
- Nghị định số 105/2005/ND-CP, ngày 17 tháng 8 năm 2005 về hướng dẫn thực hiện một số điều trong Luật điện lực;
- Quyết định số 50/2002/QĐ-BCN, ngày 25 tháng 11 năm 2002 của Bộ Công nghiệp về Quản lý đầu tư dự án đối với các dự án sản xuất điện độc lập;
- Quyết định số 709/2004/QĐ-BCN, ngày 3 tháng 4 năm 2004 của Bộ Công nghiệp về hướng dẫn tạm thời cho phân tích kinh tế- tài chính và biểu giá điện cho các dự án nguồn điện.

Ngoài ra, có thể kể đến :

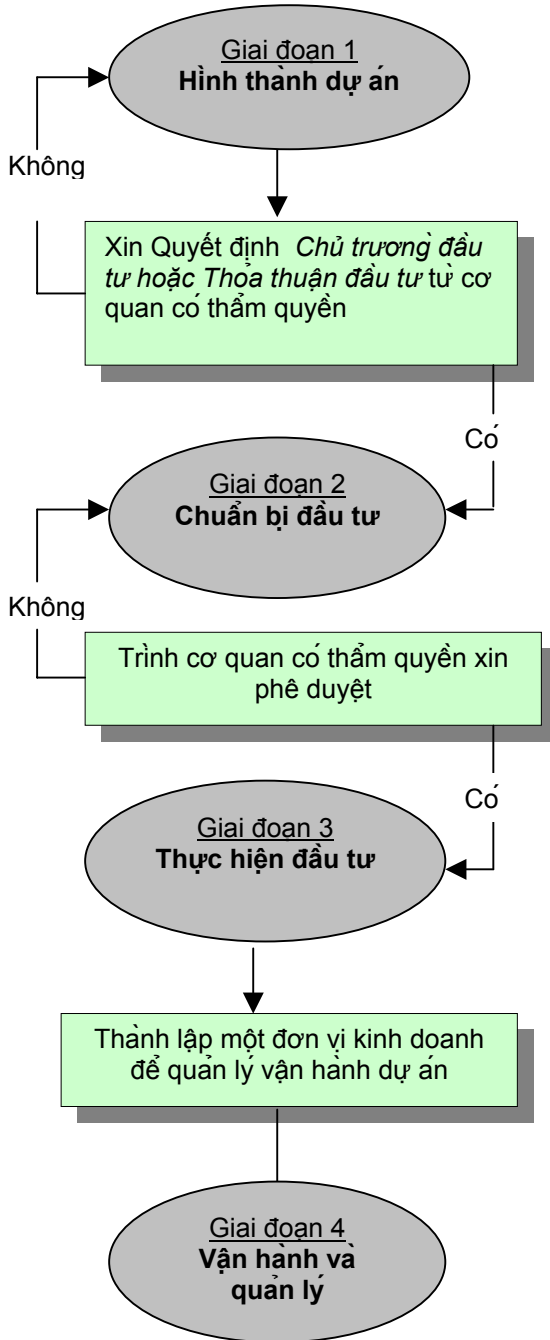
- Tài liệu hướng dẫn thực hiện của Ngân hàng thế giới về Năng lượng tái tạo cho Dự án phát triển kinh tế nông thôn
- Tài liệu hướng dẫn thực hiện của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB)

CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng phát triển châu Á
CEC	Tổ chức điện của xã
DOI	Sở công nghiệp
EPC	Hợp đồng mua sắm thiết bị
EVN	Tổng công ty điện lực Việt Nam
GCB	Hệ thống biomass nối lưới
GCMH	Hệ thống thủy điện nhỏ/ mini nối lưới
GCGT	Hệ thống điện địa nhiệt nối lưới
HBW	Hệ thống điện gió cho hộ gia đình
MHP	Dự án thủy điện nhỏ và cực nhỏ
MOI	Bộ Công nghiệp
MOU	Biên bản ghi nhớ
OGB	Hệ thống biomass không nối lưới
OGVH	Hệ thống thủy điện nhỏ cho làng xã không nối lưới
OGW	Hệ thống điện gió không nối lưới
O&M	Vận hành và bảo dưỡng
PHS	Hệ thống thủy điện cực nhỏ
PPA	Hợp đồng mua bán điện
PPC	Ủy ban nhân dân tỉnh
RE	Năng lượng tái tạo
RRE	Năng lượng tái tạo nông thôn
SHS	Hệ thống điện mặt trời cho hộ gia đình
VND	Đồng Việt Nam
WB	Ngân hàng thế giới

I. CÁC GIAI ĐOẠN CHUNG TRONG PHÁT TRIỂN DỰ ÁN

Có bốn giai đoạn chung trong việc phát triển bất kỳ một dự án nào, được trình bày trong sơ đồ 2 dưới đây:



Giai đoạn 1: Bắt đầu từ thời điểm dự án được phát hiện/ đề xuất cho đến khi cơ quan có thẩm quyền có Quyết định/ Thỏa thuận cho phép thực hiện giai đoạn tiếp theo trong việc phát triển dự án. Ba bước mà người phát triển dự án phải tuân theo là:
(i) Chọn địa điểm; (ii) Lập Báo cáo cơ hội đầu tư (tương ứng với báo cáo tiền khả thi trước đây);
(iii) Nhận được Chủ trương đầu tư hoặc Thỏa thuận đầu tư từ cơ quan có thẩm quyền (*)

Giai đoạn 2: - Lập Dự án đầu tư (tương ứng với Báo cáo khả thi trước đây)
- Thực hiện Thiết kế cơ sở của dự án
- Thỏa thuận với các bên có liên quan (như xin giấy phép sử dụng đất và tài nguyên, thu dọn mặt bằng đất, thỏa thuận về tái định cư và đền bù; giấy phép xây dựng, giấy phép môi trường, thỏa thuận về thu xếp nguồn vốn, Ghi nhớ về mua bán điện)
- Trình Dự án đầu tư và Thiết kế cơ sở lên cơ quan có thẩm quyền xin phê duyệt hoặc chấp thuận (trong trường hợp dự án loại C). Sau đó người phát triển dự án sẽ tự phê duyệt Dự án đầu tư và thiết kế cơ sở (**)

Giai đoạn 3: - Đấu thầu EPC (Hợp đồng cung cấp thiết bị/ Xây dựng/ lắp đặt);
- Thiết kế bản vẽ thi công
- Giám sát xây dựng và lắp đặt
- Chuẩn bị vận hành

Stage 4: - Bàn giao dự án;
- Quản lý O&M
- Bán điện
- Phục hồi/thay thế thiết bị.

Sơ đồ 2. Các giai đoạn chung trong việc phát triển dự án

Ghi chú:

(*) – Trong trường hợp các dự án điện khí hóa nông thôn bằng năng lượng tái tạo được đề cập tại tài liệu này, thì thuật ngữ cơ quan có thẩm quyền luôn được hiểu là Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong trường hợp một dự án đã được liệt kê trong quy hoạch năng lượng/ quy hoạch điện của huyện/ tỉnh đã được phê duyệt thì Báo cáo cơ hội đầu tư cho các dự án năng lượng tái tạo có thể bỏ qua và người phát triển dự án có thể bắt đầu thực hiện ngay từ giai đoạn Dự án đầu tư.

- Người phát triển dự án cần chọn tư vấn và ký hợp đồng lập Báo cáo cơ hội đầu tư.

- Người phát triển dự án loại C (các dự án năng lượng tái tạo thuộc nhóm này) nhận *Báo cáo cơ hội đầu tư và các tài liệu liên quan* từ cơ quan tư vấn, đánh giá sơ bộ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh để đề nghị *Thỏa thuận đầu tư* thay vì xin *Chủ trương đầu tư*.

(**) a) Theo Nghị định số 16/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17 tháng 2 năm 2005, các dự án điện được chia thành 3 nhóm:

- Nhóm A: Dự án có vốn đầu tư lớn hơn 600 tỷ đồng Việt Nam (khoảng 37,84 triệu USD),
- Nhóm B: Dự án có vốn đầu tư từ 30 đến 600 tỷ đồng Việt Nam (khoảng từ 1,89 đến 37,8 triệu USD),
- Nhóm C: Dự án có vốn đầu tư dưới 30 tỷ đồng Việt Nam (khoảng 1,89 triệu USD).

b) Người phát triển các dự án nhóm A có tầm quan trọng đặc biệt phải lập *Báo cáo Dự án đầu tư* (hợp đồng dịch vụ với các tư vấn được chọn), trình Bộ Công nghiệp thẩm định, sau đó trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đối với các dự án nhóm A khác, Bộ Công nghiệp sẽ phê duyệt *Báo cáo Dự án đầu tư*.

Người phát triển các dự án nhóm A phải lập *Thiết kế cơ sở* (do tư vấn thực hiện) và trình Bộ Công nghiệp phê duyệt.

Người phát triển dự án nhóm B phải lập *Báo cáo Dự án đầu tư* (hợp đồng dịch vụ với các tư vấn được chọn), trình Bộ Công nghiệp phê duyệt, hoặc Sở công nghiệp thẩm định và sau đó trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Người phát triển các dự án nhóm B phải lập *Thiết kế cơ sở* (do tư vấn thực hiện) và trình Sở Công nghiệp tỉnh phê duyệt.

Người phát triển dự án nhóm C phải chuẩn bị *Báo cáo Dự án đầu tư* (hợp đồng với các tư vấn được chọn), trình Sở Công nghiệp tỉnh thẩm định và sau đó trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin chấp thuận. Người phát triển dự án sau đó tự phê duyệt *Báo cáo Dự án đầu tư*.

Thiết kế cơ sở của các dự án nhóm C phải trình Sở Công nghiệp tỉnh phê duyệt

II. MÔ TẢ ĐỀ XUẤT CHI TIẾT TRÌNH TỰ THỦ TỤC TRONG VIỆC ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐIỆN KHÍ HÓA NÔNG THÔN KHÔNG NỐI LƯỚI

Các dự án điện khí hóa nông thôn không nối lưới thường là các dự án quy mô nhỏ (công suất nhỏ hơn 500 kW) dùng các nguồn năng lượng tái tạo (các dự án nhóm C). Mặc dù các thủ tục chung của tất cả các dự án cũng được áp dụng cho các dự án năng lượng nông thôn tái tạo không nối lưới, tuy nhiên một số chi tiết có thể được đơn giản hóa.

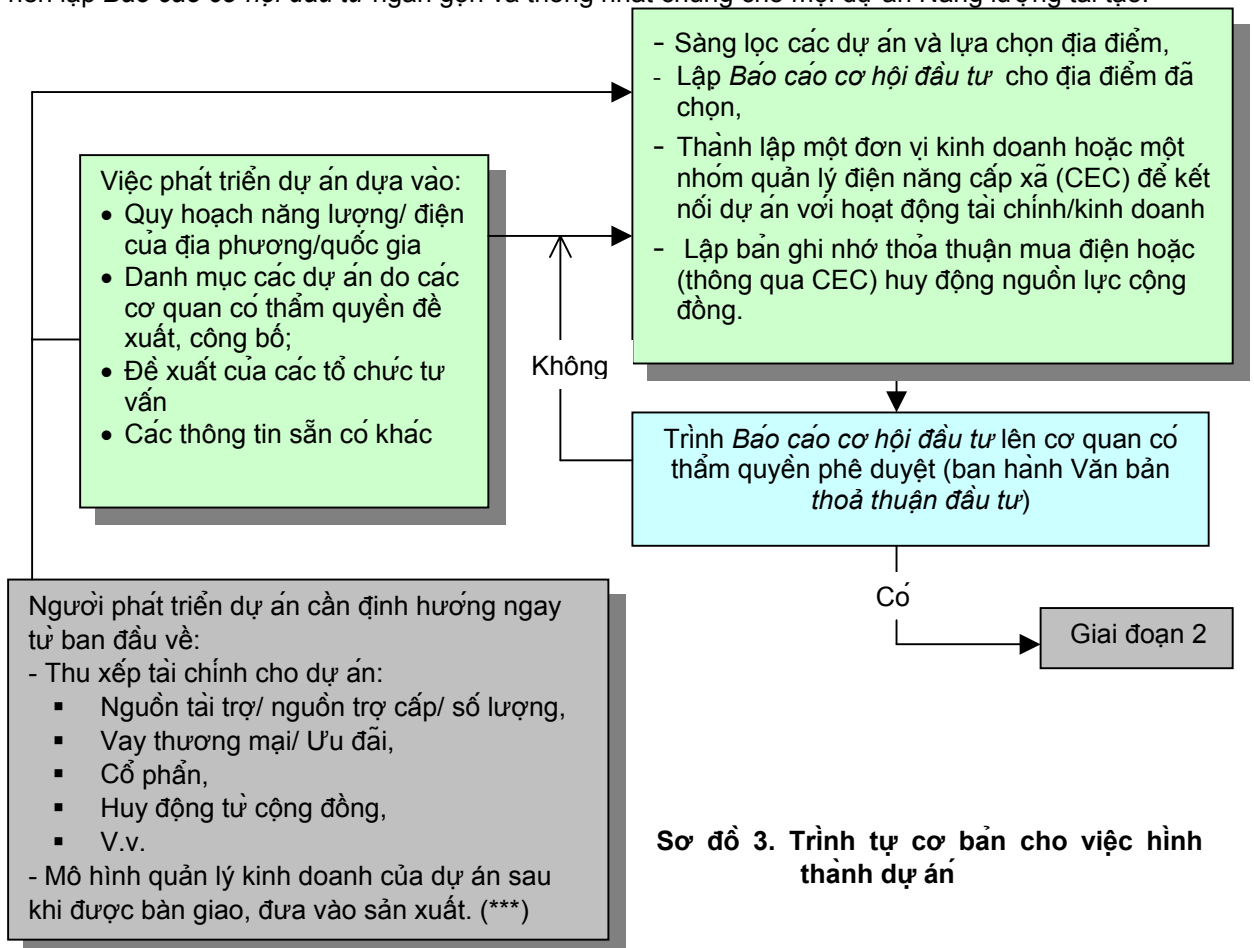
II.1. Giai đoạn1: HÌNH THÀNH DỰ ÁN

Ba bước để hình thành một dự án (theo sơ đồ 3):

- Lựa chọn các địa điểm dự án tiềm năng.
Chuẩn bị **Báo cáo cơ hội đầu tư**.
- Thỏa thuận về việc mua điện (bán buôn/ lẻ) với một đơn vị kinh doanh hoặc một đơn vị điện lực địa phương
- Trình *Báo cáo cơ hội đầu tư* lên cơ quan có thẩm quyền xin phê duyệt.

Ghi chú:

Báo cáo cơ hội đầu tư chỉ cần lập đối với các dự án mới, không có trong quý hoạch Năng lượng/ quy hoạch điện của huyện/ tỉnh đã được phê duyệt. Tuy nhiên, do có những rủi ro cao về tài chính/ kinh doanh ở các dự án năng lượng tái tạo và để tránh những chi phí lớn và công sức bỏ ra trong quá trình xây dựng Báo cáo Dự án đầu tư mà có thể dự án không đạt hiệu quả, chúng tôi khuyến nghị nên lập *Báo cáo cơ hội đầu tư* ngắn gọn và thống nhất chung cho mọi dự án Năng lượng tái tạo.



Sơ đồ 3. Trình tự cơ bản cho việc hình thành dự án

Ghi chú: (***) - Có thể tham khảo Mô hình thu xếp tài chính cho các dự án điện khí hóa nông thôn không nối lưới bằng năng lượng tái tạo từ các nguồn tài liệu khác (ví dụ, các tài liệu của Thành phần dự án 3 của VSRE “ Huy động vốn đầu tư cho điện khí hóa nông thôn bằng năng lượng tái tạo”, mô hình tài chính cho các dự án RARE của Ngân hàng thế giới- Bộ Công nghiệp ...) không trình bày chi tiết ở đây.

- Trình tự thủ tục đề xuất dự án trong tài liệu này chủ yếu liên quan đến vấn đề kỹ thuật, tuy nhiên, việc thu xếp tài chính và cơ chế kinh doanh của dự án cần phải được làm rõ trong Báo cáo cơ hội đầu tư

Các yêu cầu đối với Báo cáo cơ hội đầu tư :

Báo cáo cơ hội đầu tư phải làm rõ hai vấn đề :

- Các vấn đề kỹ thuật là khả thi;
- Giá điện của dự án là hợp lý và thích hợp, các khía cạnh tài chính của dự án là bền vững và lành mạnh.

Các nội dung của Báo cáo cơ hội đầu tư

Báo cáo cơ hội đầu tư phải gồm các nội dung sau:

- Các tài liệu/ cơ sở dữ liệu cơ bản về:
 - Hiện trạng kinh tế xã hội của vùng dự án (hiện trạng và tiềm năng trong tương lai), nhu cầu điện (dự báo phụ tải, các mục đích sử dụng...)
 - Số liệu cơ sở về địa điểm dự án (địa chất, khí tượng thủy văn, địa hình, môi trường, dẫn nước, độ dốc và dòng chảy của sông,... cho nhà máy thủy điện)
- Các phương án lựa chọn của mặt bằng tổng thể dự án và các giải pháp kỹ thuật sơ bộ, các đặc tính kỹ thuật của nhà máy, thiết bị chính, đấu nối lưới điện;
- Đường vào địa điểm;
- Đánh giá sơ bộ về các vấn đề môi trường, tái định cư và đền bù;
- Các biện pháp thi công;
- Tổng vốn đầu tư, các chỉ tiêu kinh tế tài chính của dự án;
- Quản lý vận hành/ bảo dưỡng/ kinh doanh dự án sau khi bàn giao; tổ chức kinh doanh.

Hai vấn đề cuối cùng là rất quan trọng và cần xem xét cẩn thận trước khi phát triển các bước tiếp theo của dự án.

Nội dung đề nghị của Báo cáo cơ hội đầu tư được trình bày ở Phụ lục 1 .

Để nhận được văn bản Thoả thuận đầu tư từ Ủy ban nhân dân tỉnh

Các dự án điện khí hóa nông thôn bằng năng lượng tái tạo không nổi lưới chủ yếu thuộc nhóm C (có tổng vốn đầu tư dưới 30 tỷ đồng). Vì vậy người phát triển dự án chỉ cần có bản Thoả thuận đầu tư từ Ủy ban nhân dân tỉnh thay cho Chủ trương đầu tư từ cơ quan có thẩm quyền khác (từ Thủ tướng Chính phủ đối với các dự án nhóm A, từ Bộ Công nghiệp cho các dự án nhóm A, B). Sở Công nghiệp- do Ủy ban nhân dân tỉnh uỷ quyền) có nhiệm vụ thẩm định các tài liệu này trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thoả thuận đầu tư liên quan đến 3 vấn đề sau:

- Các tài liệu là hoàn chỉnh và đáng tin cậy
- Báo cáo cơ hội đầu tư rõ ràng, hợp lý;
- Dự án không bị trùng với những dự án khác trên địa bàn tỉnh.

Thời gian ban hành quyết định thoả thuận: Yêu cầu ý kiến phản hồi của Ủy ban nhân dân tỉnh được ban hành bằng văn bản trong vòng không quá 20 ngày kể từ ngày Sở công nghiệp nhận được các tài liệu hoàn chỉnh từ người phát triển dự án.

Ví dụ, các đặc tính kỹ thuật của Báo cáo cơ hội đầu tư cho dự án thủy điện nhỏ cần có các nội dung sau: :

- Khảo sát sơ bộ về các điều kiện khí tượng thủy văn, địa chất và địa hình;

- Xác định sơ bộ về các tuyến đường dây tải điện, quy mô dự án, các thông số cơ bản của dự án (công suất, điện năng phát ra, độ cao cột nước, lưu lượng nước sẵn sàng cho phát điện, đồ thị dòng chảy liên tục, mức nước sau nhà máy...);

- Xác định sơ bộ vị trí/ tuyến đập và đập tràn, tuyến dẫn nước, nhà máy điện, kênh xả, đường vào khu vực dự án, lưới điện và đấu nối.

- Xác định sơ bộ các giải pháp kỹ thuật chính, như đập và đập tràn, kênh dẫn nước, nhà máy điện, kênh xả, đường vào khu vực dự án, lưới điện và đấu nối, các thiết bị cơ khí, cung cấp điện.

- Đánh giá sơ bộ các vấn đề môi trường, tác động đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học dưới nước và trên cạn, các công trình cần bảo vệ, vấn đề tái định cư và đền bù. Trong các trường hợp này, nếu các tác động và vấn đề nêu lên là nghiêm trọng và không giải quyết được thì dự án cần phải dừng lại.

- Xác định sơ bộ các biện pháp thi công.

- Xác định sơ bộ khối lượng xây dựng và tổng mức đầu tư. Thực hiện phân tích kinh tế tài chính sơ bộ .

Các tài liệu trình Sở công nghiệp bao gồm:

- Bản đề nghị đầu tư/ Đề xuất nguyên vọng;
- Báo cáo cơ hội đầu tư;
- Đơn xin cấp phép kinh doanh và các văn bản pháp lý khác;

II.2. Giai đoạn 2: CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

Giai đoạn 2 - *Chuẩn bị đầu tư* bắt đầu từ khi dự án được giao cho người phát triển dự án (giai đoạn 1 kết thúc) đến khi *Báo cáo dự án đầu tư* (trước đây là Báo cáo nghiên cứu khả thi) được phê duyệt.

• **Thời gian hoàn thành giai đoạn 2** (cho các dự án nhóm C) : Không quá 12 tháng kể từ khi dự án được giao, cho đến khi *Báo cáo dự án đầu tư* được phê duyệt.

• **Phê duyệt dự án:**

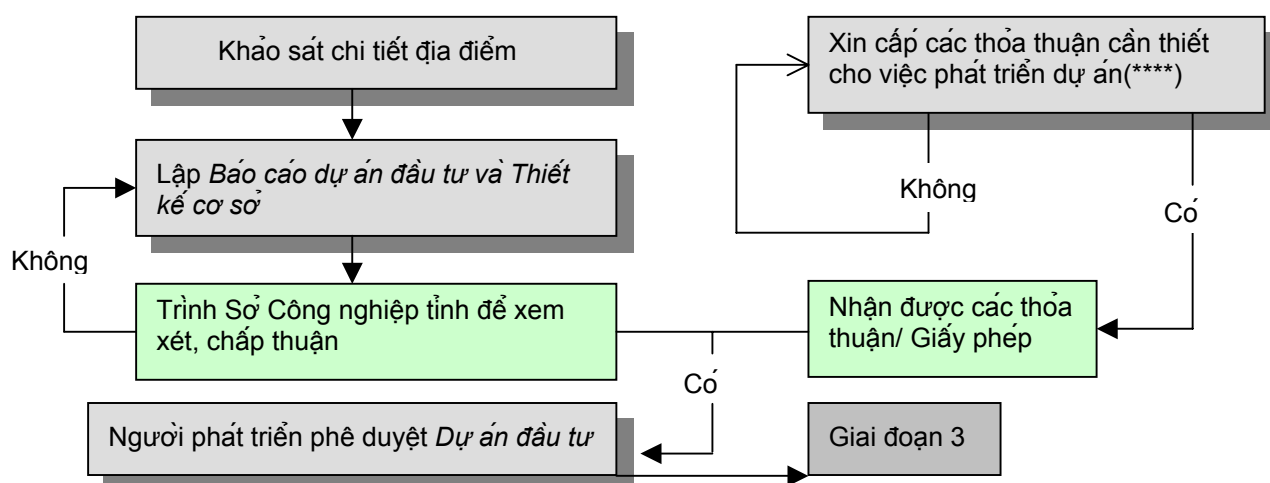
Người phát triển trình *Báo cáo dự án đầu tư* lên Ủy ban nhân dân tỉnh(thông qua Sở Công nghiệp) để xin văn bản chấp thuận. Sau đó, Người phát triển dự án tự phê duyệt *Dự án đầu tư*

Thời gian yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến phản hồi (ban hành quyết định chấp thuận) không quá 20 ngày làm việc kể từ khi người phát triển dự án nộp các tài liệu hoàn chỉnh có liên quan đến Báo cáo Dự án đầu tư.

Các tài liệu do người phát triển dự án trình lên Ủy ban nhân dân tỉnh bao gồm:

- Văn bản thuyết minh của người phát triển;
- Báo cáo *Dự án đầu tư* hoàn chỉnh và tối thiểu 20 bản copy của báo cáo tóm tắt;
- *Thiết kế cơ sở* của dự án;
- Báo cáo đánh giá của bên thứ ba- tư vấn độc lập.

Nhiệm vụ của **giai đoạn Chuẩn bị đầu tư** bao gồm:



Sơ đồ 4. Trình tự cơ bản trong giai đoạn Chuẩn bị đầu tư

Ghi chú: (****) Người phát triển dự án phải có các thỏa thuận với các bên liên quan để nhận được giấy phép sử dụng đất và các nguồn tài nguyên, quyền giải phóng mặt bằng, thỏa thuận về tái định cư và đền bù; giấy phép xây dựng; giấy phép môi trường; thỏa thuận về thu xếp vốn (Bản ghi nhớ về mua bán điện ...)

Nội dung của Báo cáo Dự án đầu tư

Báo cáo Dự án đầu tư phải giải quyết các nội dung cơ bản sau:

- Tối ưu hoá các phương án chọn về quy mô và các chỉ tiêu của dự án (công suất, số tổ máy, điện năng sản xuất và phương án cho các mục tiêu kết hợp liên quan);
- Lựa chọn phương án hợp lý về các giải pháp công nghệ, điện, cơ khí;
- Giải pháp xây dựng hợp lý;
- Giải pháp hợp lý cho các công trình phụ trợ;

- Giải pháp hợp lý cho lưới điện và đấu nối
- Giải pháp hợp lý về đường vào địa điểm dự án
 - Giải pháp hợp lý về mặt bằng tổng thể của dự án, mặt bằng thi công, biện pháp và tổ chức thi công, kế hoạch thi công....;
 - Đánh giá chi tiết về các vấn đề môi trường, đền bù và tái định cư;

Để ví dụ, đề xuất phạm vi khảo sát cần thực hiện cho các dự án thủy điện nhỏ bao gồm các nội dung sau:

(i) Khảo sát thủy văn:

- Thu thập cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn của lưu vực sông ở vùng địa điểm thủy điện đang quan tâm. Các số liệu này phải là số liệu hợp pháp.

- Tốt nhất, nếu thiếu các số liệu về dòng chảy có sẵn thì phải lập một trạm đo nước (đo mức nước hàng ngày và đo dòng chảy bổ sung. Việc đo dòng chảy bổ sung có thể đo một lần/ tháng trong mùa khô và 3 lần/ tháng trong mùa mưa) ở nhánh sông chính gần với vị trí chọn cho cửa nhận nước. Trong trường hợp ước tính sơ bộ về dòng chảy trong mùa khô vượt quá dòng chảy thiết kế yêu cầu thì không cần phải thực hiện việc đo này nữa. Tuy nhiên, cần đo mức lũ cao nhất để bảo vệ các kết cấu một cách thích hợp.

(ii) Đo địa hình

- Thiết lập một mạng lưới để kiểm soát các tọa độ và độ cao chuẩn so với mực nước biển;

- Thiết lập bản đồ địa hình

Đường dây điện- nhà máy	1:2000
Các khu vực phụ trợ	1:2000
Đường vào dự án (nếu cần)	1:2000
Lưới điện	1:2000

- Các bản vẽ theo mặt cắt dọc

Ngang qua sông chỗ hồ chứa/ kênh dẫn sau nhà máy/ tim đập	1:500
Dọc theo sông, dọc theo đường dây điện	1:500
Mặt cắt dọc và ngang nhà máy	1:500

- Khảo sát địa chất (nếu cần):

Lập bản đồ địa chất	1:50000
Khoan trên kênh dẫn nước	phương án lựa chọn phương án so sánh
Khoan ở tuyến nhà máy	phương án lựa chọn phương án so sánh
Khoan ở vị trí nhà máy	phương án lựa chọn phương án so sánh

- Đào ở các mỏ vật liệu xây dựng trong khu vực dự kiến để xây các kênh

- Sử dụng địa vật lý để xác định

Độ chịu lực của đất

Các kiến tạo địa tầng (trong trường hợp cần thiết)

- Thí nghiệm tại hiện trường

- Các thí nghiệm trong nhà

- Khoan/ đào đường vào địa điểm và tuyến đường dây tải điện

(iii) Các khảo sát về môi trường

- Thu thập số liệu đánh giá tác động môi trường

- Đánh giá việc tái định cư và đền bù

- Xác định chi tiết về các thiết bị công nghệ, vật liệu xây dựng, khối lượng xây lắp, khối lượng công tác quản lý, tư vấn và khảo sát;

- Dự toán chi phí đầu tư cuối cùng của dự án, kế hoạch huy động tài chính;

- Phân tích kinh tế và tài chính, đề xuất giá điện khả thi cho dự án.

Nội dung đề xuất cho Báo cáo Dự án đầu tư được trình bày trong Phụ lục 2.

Khảo sát chi tiết địa điểm:

a) Khảo sát và tập hợp các tài liệu sau:

- Bản đồ hành chính và địa lý theo các tỷ lệ khác nhau;

- Các điều kiện địa lý

- Hiện trạng kinh tế xã hội của vùng (huyện, xã) kế hoạch phát triển, phúc lợi của nhân dân.

- Lưới điện, kế hoạch phát triển và cung cấp điện

- Hiện trạng giao thông và kế hoạch phát triển.

- Hệ thống tưới tiêu và kế hoạch phát triển (vùng dự án thủy điện); chi tiết các vật liệu thô và tiềm năng các nguồn năng lượng khác (cho các dự án năng lượng tái tạo khác);

- Các điều kiện môi trường ở địa điểm lựa chọn

b) Khảo sát chi tiết: phụ thuộc vào nguồn năng lượng tái tạo dùng cho dự án, những khảo

sát chi tiết hơn sẽ được thực hiện thích hợp riêng ví dụ chọn các nguồn thủy điện/ mặt trời/ gió/ biomass...

Nội dung của Thiết kế cơ sở: Nội dung của Thiết kế cơ sở được trình bày ở Phụ lục 3.

Phụ lục 1.

CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT CHO BÁO CÁO CƠ HỘI ĐẦU TƯ

- 1. Giới thiệu dự án**
 - 1.1 Mở đầu
 - 1.1 Địa điểm dự án
 - 1.2 Quá trình hình thành dự án
- 2. Các điều kiện tự nhiên**
 - 2.1 Các điều kiện khí tượng thủy văn
 - 2.2 Các điều kiện địa hình
 - 2.3 Các điều kiện địa chất
- 3. Các phương án lựa chọn về quy mô dự án và các thông số cơ bản**
 - 3.1 Các phương án lựa chọn của dự án
 - 3.2 Phương án lựa chọn sơ bộ, quy mô và các thông số cơ bản
- 4. Đánh giá sơ bộ về các tác động môi trường**
 - 4.1 Mô tả các điều kiện môi trường ở khu vực dự án
 - 4.2 Đánh giá sơ bộ về các tác động môi trường
 - 4.3 Các biện pháp chuẩn bị địa điểm và giải phóng mặt bằng
- 5. Các thông số kỹ thuật cơ bản của dự án**

(Riêng cho thủy điện nhỏ, Mặt trời, gió, biomass...)

 - 5.1 Nhà máy
 - 5.2 Các công trình phụ trợ
 - 5.3 Lưới điện và đấu nối
 - 5.4 Đường vào địa điểm dự án
- 6. Tổ chức thực hiện dự án**
 - 6.1 Hình thành dự án
 - 6.2 Chuẩn bị
 - 6.3 Thực hiện
 - 6.4 Kế hoạch xây dựng
- 7. Tổng vốn đầu tư và các chỉ tiêu kinh tế, tài chính**
 - 7.1 Tổng vốn đầu tư
 - 7.2 Các chỉ tiêu kinh tế tài chính
- 8. Kết luận và kiến nghị**
 - 8.1 Lợi ích đạt được từ dự án
 - 8.2 Các công tác triển khai
 - 9.3 Kiến nghị

Phụ lục 2

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT CHO BÁO CÁO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- 1. CHƯƠNG 1. Tổng quan**
 - 1.1 Giới thiệu
 - 1.2 Lịch sử hình thành dự án
 - 1.3 Tiếp cận dự án
 - 1.4 Các đặc điểm cơ bản của dự án
 - Các phụ lục
 - Tranh ảnh và bản vẽ
- 2. CHƯƠNG 2. Các điều kiện tự nhiên**
 - 2.1 Các điều kiện khí tượng thủy văn
 - 2.2 Các điều kiện địa hình
 - 2.3 Các điều kiện địa chất
 - Các phụ lục
 - Bản vẽ
- 3. CHƯƠNG 3. Các lựa chọn về quy mô và các thông số cơ bản**
 - 3.1 Giới thiệu
 - 3.2 Các cơ sở lựa chọn
 - 3.3 Các phương án xem xét
 - 3.4 Phương án lựa chọn sơ bộ
 - 3.5 Các thông số cơ bản
 - 3.6 Lựa chọn công suất đặt
 - Các phụ lục
 - Bản vẽ
- 4. CHƯƠNG 4. Đánh giá tác động môi trường**
 - 4.1 Mô tả điều kiện môi trường ở khu vực dự án
 - 4.2 Đánh giá sơ bộ các tác động môi trường
 - 4.3 Các biện pháp chuẩn bị/ giải phóng mặt bằng
 - Các bản vẽ
- 5. CHƯƠNG 5. Các biện pháp công nghệ xây dựng**
 - 5.1 Mặt bằng dự án theo phương án chọn
 - 5.2 Các giải pháp công nghệ
 - 5.3 Các giải pháp kỹ thuật cơ khí
 - 5.4 Giải pháp đường vào dự án
 - Các phụ lục và bản vẽ
- 6. CHƯƠNG 6. Các biện pháp về điện và đấu nối điện**
 - 6.1 Phương án đấu nối
 - 6.2 Lựa chọn máy phát
 - 6.3 Cấu trúc lưới điện
 - 6.4 Đo lường- Điều khiển- Bảo vệ
 - 6.5 Chống sét và nối đất
 - 6.6 Thông tin liên lạc
 - Các bản vẽ
- 7. CHƯƠNG 7. Tổ chức thi công**
 - 7.1 Mặt bằng thi công
 - 7.2 Nguồn cung cấp thiết bị, vật liệu và các khối lượng chính
 - 7.3 Cơ sở hạ tầng xây dựng (điện, nước, đường, lán trại...)
 - 7.4 Các biện pháp thi công
 - 7.5 Kế hoạch thi công
 - Các bản vẽ
- 8. CHƯƠNG 8. Tổng vốn đầu tư và phân tích kinh tế- tài chính**
 - 8.1 Tổng vốn đầu tư
 - 8.2 Đánh giá kinh tế
 - 8.3 Đánh giá tài chính
 - 8.4 Kết luận

Các phụ lục
Tổng mức đầu tư

9. CHƯƠNG 9. Kết luận và kiến nghị

- 9.1 Các chỉ số cơ bản của dự án
- 9.2 Lợi ích của dự án
- 9.3 Các công việc tiếp theo
- 9.4 Kiến nghị

Phụ lục 3

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT CHO THIẾT KẾ CƠ SỞ

Tập	Nội dung	Chú ý
Tập 1	Mô tả chung	
	Các điều kiện tự nhiên	
Tập 2	Quy mô- lựa chọn đường dây điện- các thông số cơ bản	
	Các thiết bị điện và cơ khí	
	Chế độ vận hành và quản lý	
Tập 3	Đánh giá tác động môi trường	
Tập 4	Các biện pháp thi công	
	Tổ chức thi công	
Tập 5	Tổng vốn	
Tập 6	Các bản vẽ	

Các chủ đề riêng		
Chủ đề 1	Lưới điện và đấu nối- thiết kế kỹ thuật thi công	
Chủ đề 2	Đường vào- Thiết kế kỹ thuật thi công	Nếu cần
Chủ đề 3	Thiết kế phòng cháy chữa cháy	
Chủ đề 4	Dự án giải phóng mặt bằng và đền bù	
Chủ đề 5	Dự án tái định cư	Nếu cần
Báo cáo tổng hợp		

Các thỏa thuận		
1	Thỏa thuận về phòng cháy chữa cháy	
2	Thỏa thuận về bản đồ mặt bằng dự án	
3	Thỏa thuận về dọn đất và đền bù	
4	Thỏa thuận về tái định cư	